

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ CÁC VẤN ĐỀ DÂN SỰ, GIA ĐÌNH VÀ HÌNH SỰ GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ MÔNG CỔ

(trích)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ (sau đây gọi là các Bên ký kết) để tăng cường hơn nữa sự hợp tác trong lĩnh vực quan hệ pháp luật, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và cùng có lợi, đã quyết định dành cho nhau sự tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, gia đình và hình sự, và với mục đích đó, đã thoả thuận những điều dưới đây:

Phần thứ nhất

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bảo vệ pháp lý

1. Công dân của Bên ký kết này được hưởng trên lãnh thổ Bên ký kết kia sự bảo vệ pháp lý về các quyền nhân thân và tài sản như công dân Bên ký kết kia.

2. Công dân của Bên ký kết này có quyền được tự do và không bị cản trở liên hệ với các cơ quan tư pháp có thẩm quyền về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự của Bên ký kết kia, có thể bày tỏ ý kiến, đề đạt yêu cầu, đưa đơn kiện và thực hiện những hành vi tố tụng khác tại các cơ quan đó như công dân của Bên ký kết kia.

3. Những qui định của Hiệp định này cũng được áp dụng đối với các pháp nhân của các Bên ký kết.

Điều 2. Tương trợ tư pháp

1. Các cơ quan tư pháp của hai Bên ký kết tương trợ tư pháp lẫn nhau đối với các vấn đề dân sự (bao gồm cả thương mại và lao động), gia đình và hình sự theo những qui định của Hiệp định này.

2. Các cơ quan tư pháp cũng tương trợ về tư pháp cho các cơ quan khác của các Bên ký kết có thẩm quyền về các vấn đề nói tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Cách thức liên hệ

1. Khi thực hiện tương trợ tư pháp, các cơ quan tư pháp của các Bên ký kết liên hệ với nhau thông qua các cơ quan trung ương. Cơ quan trung ương, về phía Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là: Bộ Tư pháp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; về phía Mông Cổ là: Bộ Tư pháp Mông Cổ, Tổng Viện Kiểm sát Mông Cổ.

2. Khi thực hiện tương trợ tư pháp, các cơ quan khác có thẩm quyền về các vấn đề dân sự và hình sự liên hệ thông qua cơ quan trung ương của các Bên ký kết nói tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phạm vi tương trợ tư pháp

Các Bên ký kết tương trợ tư pháp cho nhau bằng cách tiến hành những hành vi tố tụng riêng biệt được pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu qui định, như: tổng đạt giấy tờ; khám xét, thu thập và chuyển giao các vật chứng, giám định, lấy lời khai của bị can, của người làm chứng, của người giám định, của các bên đương sự và của những người khác, xem xét về mặt tư pháp, công nhận và thi hành quyết định của toà án về các vấn đề dân sự, phần quyết định về bồi thường thiệt hại dân sự trong bản án hình sự, cũng như bằng cách thi hành quyết định, tiến hành truy tố hình sự và dẫn độ người phạm tội, chuyển giao và dịch các tài liệu, cung cấp

các thông tin.

Điều 5. Nội dung và hình thức yêu cầu tương trợ tư pháp

1. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp cần phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Tên cơ quan yêu cầu.

b. Tên cơ quan được yêu cầu.

c. Tên vụ việc yêu cầu tương trợ tư pháp.

d. Họ và tên các bên đương sự, bị can, bị cáo hoặc người bị kết án cũng như của những người khác có liên quan tới yêu cầu cung cấp thông tin về quốc tịch, nghề nghiệp và nơi thường trú hoặc tạm trú của họ.

đ. Họ tên và địa chỉ của những người đại diện tố tụng.

e. Nội dung yêu cầu; riêng đối với vụ việc hình sự, còn phải miêu tả các tình tiết của tội phạm và nêu tội danh.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp và các giấy tờ được gửi đi phải được ký tên và đóng dấu chính thức của cơ quan yêu cầu có thẩm quyền.

3. Khi tương trợ tư pháp, các Bên ký kết có thể sử dụng các mẫu giấy tờ in sẵn bằng tiếng Việt và tiếng Mông Cổ mà các cơ quan này trao đổi cho nhau.

Điều 6. Cách thức thực hiện tương trợ tư pháp

1. Khi thực hiện tương trợ tư pháp, cơ quan được yêu cầu áp dụng pháp luật của nước mình. Tuy nhiên, theo đề nghị của cơ quan yêu cầu, cơ quan này có thể áp dụng những quy phạm tố tụng của bên ký kết có cơ quan yêu cầu, nếu những quy phạm đó không trái với pháp luật của nước mình.

2. Nếu cơ quan yêu cầu không có thẩm quyền thực hiện, thì cơ quan này chuyển yêu cầu đó cho cơ quan có thẩm quyền và thông báo cho cơ quan yêu cầu biết.

3. Nếu yêu cầu tương trợ tư pháp không thể thực hiện được theo địa chỉ đã nêu trong văn bản yêu cầu, thì cơ quan được yêu cầu, căn cứ theo pháp luật nước mình, tiến hành các biện pháp cần thiết để xác minh đúng địa chỉ.

4. Theo đề nghị của cơ quan yêu cầu, cơ quan được yêu cầu thông báo kịp thời cho cơ quan yêu cầu và các bên hữu quan về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp.

5. Nếu không thực hiện được yêu cầu tương trợ tư pháp, thì cơ quan được yêu cầu phải gửi trả giấy tờ cho cơ quan yêu cầu và đồng thời thông báo lý do cản trở việc thực hiện.

Điều 7. Triệu tập người làm chứng hoặc người giám định

1. Người làm chứng hoặc người giám định, đến cơ quan tư pháp yêu cầu theo giấy triệu tập mà cơ quan tư pháp được yêu cầu chuyển cho họ, không phụ thuộc vào quốc tịch của mình, không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hành chính, không thể bị bắt giữ hoặc bị xử phạt về bất cứ hành vi phạm pháp nào được thực hiện trước khi qua biên giới quốc gia của Bên ký kết yêu cầu. Những người này cũng không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị bắt giữ hoặc bị xử phạt vì những lời khai làm chứng hoặc những kết luận với tư cách là người giám định của họ hoặc vì sự liên quan đến những vụ án hình sự đang là đối tượng xét xử.

2. Người làm chứng hoặc người giám định sẽ bị mất sự bảo đảm quy định trong khoản 1 Điều này, nếu họ, mặc dù có khả năng, đã không rời lãnh thổ Bên ký kết yêu cầu trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được báo rằng sự có mặt của họ không cần thiết nữa. Sẽ không tính vào thời hạn này thời gian mà người làm chứng hoặc giám định viên không thể rời khỏi lãnh thổ Bên ký kết yêu cầu vì những hoàn cảnh không phụ thuộc vào họ.

3. Những người làm chứng hoặc người giám định được triệu tập đến lãnh thổ Bên ký kết kia có quyền được hoàn lại các chi phí liên quan đến việc đi lại và lưu trú ở nước ngoài và được bồi thường khoản tiền lương không được lĩnh. Ngoài ra, giám định viên còn được hưởng tiền thù lao giám định. Trong giấy triệu tập cần ghi rõ các khoản tiền mà những người được triệu tập có quyền hưởng. Theo đề nghị của họ, cơ quan tư pháp của Bên ký kết triệu tập phải ứng trước một khoản tiền trang trải các khoản chi phí.

Điều 8. Giá trị các giấy tờ

1. Giấy tờ do các cơ quan có thẩm quyền lập hoặc chứng thực theo hình thức qui định trên lãnh thổ Bên ký kết này được chấp nhận trên lãnh thổ Bên ký kết kia mà không cần phải hợp thức hoá. Qui định này cũng được áp dụng đối với giấy tờ của công dân mà chữ ký của họ đã được chứng thực theo những qui định hiện hành trên lãnh thổ Bên ký kết tương ứng.

2. Giấy tờ được coi là chính thức trên lãnh thổ bên ký kết này thì cũng có giá trị chính thức trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

Điều 9. Chuyển giao giấy tờ liên quan đến quyền nhân thân và lợi ích của công dân

1. Bên ký kết này, theo yêu cầu, nhận được qua đường ngoại giao, gửi cho Bên ký kết kia các giấy chứng nhận về đăng ký hộ tịch, trình độ văn hoá, thâm niên lao động và các giấy tờ khác liên quan đến quyền nhân thân và lợi ích của công dân Bên ký kết kia.

2. Các giấy tờ nói trên được gửi cho Bên ký kết kia qua đường ngoại giao mà không phải dịch và được miễn phí.

Điều 10. Tổng đạt giấy tờ

1. Cơ quan được yêu cầu, căn cứ theo những qui định hiện hành của nước mình, thực hiện việc tổng đạt giấy tờ, nếu các giấy tờ cần tổng đạt viết bằng tiếng của Bên ký kết được yêu cầu, có kèm theo bản dịch đã được chứng thực ra tiếng Nga. Trong trường hợp khác, cơ quan này chuyển giấy tờ cho người nhận, nếu người đó đồng ý nhận.

2. Trong yêu cầu về tổng đạt giấy tờ cần ghi rõ địa chỉ của người nhận và tên văn bản cần tổng đạt.

3. Nếu không thể tổng đạt được giấy tờ theo địa chỉ đã ghi trong yêu cầu tổng đạt, thì cơ quan được yêu cầu, căn cứ theo pháp luật nước mình, tiến hành các biện pháp cần thiết để xác minh đúng địa chỉ; nếu không thể tìm được địa chỉ của người nhận, thì cơ quan được yêu cầu thông báo cho cơ quan yêu cầu biết và gửi trả giấy tờ cần tổng đạt.

Điều 11. Xác nhận việc tổng đạt giấy tờ

Giấy xác nhận tổng đạt giấy tờ được lập theo những qui định về tổng đạt giấy tờ hiện hành trên lãnh thổ Bên ký kết được yêu cầu. Trong giấy xác nhận cần ghi thời gian và địa điểm tổng đạt, chữ ký của người nhận giấy tờ.

Điều 12. Thẩm quyền của Cơ quan đại diện ngoại giao và Cơ quan lãnh sự

Các bên ký kết có quyền tổng đạt giấy tờ cho công dân nước mình thông qua cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước mình.

Điều 13. Cung cấp thông tin pháp luật

Khi được yêu cầu, cơ quan trung ương của các Bên ký kết sẽ cung cấp cho nhau thông tin về pháp luật hiện hành và pháp luật đã có hiệu lực ở nước mình, cũng như thông tin về vấn đề áp dụng pháp luật của các cơ quan tư pháp nước mình.

Điều 14. Ngôn ngữ

Trong quá trình thi hành Hiệp định này khi tương trợ tư pháp, các Bên ký kết sử dụng ngôn ngữ của nước mình, kèm theo theo bản dịch ra tiếng của Bên ký kết kia hoặc ra tiếng Nga.

Điều 15. Chi phí liên quan đến việc tương trợ tư pháp

1. Bên ký kết được yêu cầu sẽ không đòi bồi hoàn chi phí về tương trợ tư pháp. Các Bên ký kết chịu tất cả các chi phí về tương trợ tư pháp thực hiện trên lãnh thổ nước mình.

2. Cơ quan tư pháp được yêu cầu thông báo cho cơ quan tư pháp yêu cầu tổng chi phí tương trợ tư pháp. Nếu cơ quan tư pháp yêu cầu thu được các chi phí này từ người có nghĩa vụ phải trả, thì số tiền thu được thuộc về Bên ký kết có cơ quan tư pháp đã thu.

3. Trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp, nếu phát sinh chi phí bất thường thì các cơ quan trung ương sẽ tiến hành tư vấn lẫn nhau để xác định sự cần thiết và điều kiện thực hiện yêu cầu đó.

Điều 16. Từ chối thực hiện tương trợ tư pháp

Việc tương trợ tư pháp có thể bị từ chối, nếu việc đó có thể làm phương hại đến chủ quyền, an ninh hoặc trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Bên ký kết được yêu cầu.

Phần thứ ba

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

TIẾN HÀNH TRUY TỐ HÌNH SỰ

Điều 70. Nghĩa vụ tiến hành truy tố hình sự

1. Mỗi Bên ký kết cam kết, thể theo yêu cầu của Bên ký kết kia, tiến hành việc truy tố hình sự theo pháp luật của nước mình những công dân của mình đã có hành vi phạm tội trên lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu.

2. Đơn yêu cầu truy tố hình sự do người bị hại đưa, phù hợp với pháp luật của Bên ký kết này, gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó trong thời hạn quy định, cũng có giá trị trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

3. Những người bị thiệt hại do tội phạm đã được yêu cầu truy tố hình sự gây ra, được tham gia tố tụng, nếu họ có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

Điều 71. Văn bản yêu cầu tiến hành truy tố hình sự

1. Văn bản yêu cầu tiến hành truy tố hình sự cần phải có nội dung sau đây:

- a. Tên cơ quan yêu cầu;
- b. Mô tả hành vi dẫn đến yêu cầu tiến hành truy tố hình sự;
- c. Nếu rõ thời gian và địa điểm phạm tội, càng chính xác càng tốt;

d. Các điều khoản luật của Bên ký kết yêu cầu mà trên cơ sở đó hành vi được coi là tội phạm cũng như những quy định của văn bản pháp luật khác có ý nghĩa quan trọng đối với việc xét xử vụ án;

đ. Họ tên, quốc tịch, nơi thường trú hoặc tạm trú của người đã có hành vi phạm tội, cũng như những tin tức khác về nhân thân của người đó;

e. Đơn của những người bị hại trong vụ án hình sự, nếu vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, và đơn đòi bồi thường thiệt hại;

g. Tin tức về mức độ thiệt hại, nếu thiệt hại đó do tội phạm gây ra.

Kèm theo văn bản yêu cầu phải gửi hồ sơ truy tố hình sự và những chứng cứ mà Bên ký kết yêu cầu đã thu thập được.

2. Nếu vào thời điểm gửi văn bản yêu cầu tiến hành truy tố hình sự mà bị can đang bị tạm giam trên lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu, thì phải dẫn giải người này về lãnh thổ của Bên ký kết được yêu cầu.

3. Bên ký kết được yêu cầu có nghĩa vụ thông báo cho Bên ký kết yêu cầu biết về quyết định cuối cùng. Nếu có đề nghị của Bên ký kết yêu cầu, thì phải gửi bản sao quyết định cuối cùng.

Điều 72. Hậu quả của việc tiến hành truy tố hình sự

Nếu các cơ quan của Bên ký kết được yêu cầu tiến hành truy tố hình sự theo Điều 70 của Hiệp định này, đã ra một bản án có hiệu lực pháp luật hoặc một quyết định cuối cùng khác thì cơ quan của Bên ký kết yêu cầu không được khởi tố vụ án hình sự đó, còn nếu đã khởi tố thì phải đình chỉ.

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

VỀ HÌNH SỰ

Điều 73. Chuyển giao vật chứng liên quan đến tội phạm

1. Cơ quan tư pháp của các Bên ký kết sẽ chuyển giao cho nhau tất cả những vật chứng được dùng làm phương tiện phạm tội hoặc có dấu vết của tội phạm hoặc chiếm đoạt được do phạm tội, nếu có thể thì cùng một lúc với dẫn độ tội phạm.

2. Những đồ vật nói tại khoản 1 Điều này được chuyển giao kể cả khi không thể dẫn độ người phạm tội do người đó chết hay vì những lý do khác.

3. Quyền của Bên ký kết yêu cầu hay người thứ ba đối với các vật chứng đã được chuyển giao được bảo đảm hoàn toàn. Nếu có những quyền đó thì sau khi kết thúc xét xử vụ án, những đồ vật đó phải được hoàn trả ngay và miễn phí cho Bên ký kết được yêu cầu để trả lại cho chủ nhân của đồ vật đó.

Trong một số trường hợp những đồ vật này có thể được hoàn trả cho chủ nhân trước khi kết thúc xét xử vụ án, nếu điều đó không ảnh hưởng đến việc xét xử.

Nếu chủ nhân của những đồ vật nói trên đang có mặt trên lãnh thổ Bên ký kết yêu cầu, thì Bên ký kết này, với sự đồng ý của Bên ký kết được yêu cầu, có quyền hoàn trả trực tiếp đồ vật cho chủ nhân.

Điều 74. Thông báo về bản án và án tích

1. Các Bên ký kết hàng năm sẽ thông báo cho nhau thông tin về những bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các toà án của Bên ký kết này đã tuyên đối với công dân của Bên ký kết kia.

2. Khi có yêu cầu, các Bên ký kết sẽ cung cấp cho nhau những thông tin về án tích của những người trước đây đã bị toà án của nước mình kết án, nếu những người đó đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trên lãnh thổ Bên ký kết yêu cầu.

Phần thứ tư

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 75. Sửa đổi và bổ sung

Việc sửa đổi hoặc bổ sung Hiệp định này được tiến hành theo thoả thuận của các Bên ký kết và có hiệu lực sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý phù hợp với pháp luật của mỗi Bên ký kết.

Điều 76. Hiệu lực của Hiệp định

Hiệp định này cần được phê chuẩn và có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày trao đổi các văn kiện phê chuẩn tại Hà Nội.

Điều 77. Chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

Hiệp định này có giá trị vô thời hạn và sẽ chấm dứt hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày một trong hai Bên ký kết thông báo bằng văn bản qua đường ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Làm tại thành phố Ulanbato, ngày 17 tháng 4 năm 2000, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Mông cổ và tiếng Nga, các văn bản đều có giá trị như nhau.

Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau về hiệp định này, các Bên ký kết căn cứ vào bản tiếng Nga.